

NGHỊ QUYẾT

Về danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 phường Minh Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG MINH HƯNG
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 3 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp (giao lần 1);

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND, ngày 25 tháng 10 năm 2025 của UBND phường Minh Hưng về việc thông qua danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 phường Minh Hưng sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-BKTNS ngày 04/11/2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân phường thống nhất danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 phường Minh Hưng, như sau:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025: 104 tỷ 035 triệu đồng, gồm:
 - Nguồn xổ số kiến thiết: 85 tỷ 827 triệu đồng.
 - Thu tiền sử dụng đất: 7 tỷ 127 triệu đồng.
 - Vốn khác: 11 tỷ 081 triệu đồng.
- Bố trí vốn thực hiện các dự án như sau:
 - 01 dự án lĩnh vực Y tế: 2 tỷ 984 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

- TT HÒND, UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính;
- TT.ĐU, TT.HÒND phường;
- UBND phường, UBMTTQVN phường;
- Ban KTNS HÒND phường;
- Đại biểu HÒND phường;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- LĐVP, CV: Thành, Trang (02b);
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



Lê Tiến Hiệu



PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 PHƯỜNG MINH HƯNG

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025	Lũy kế số vốn đã thành lập đến năm 2024	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025				Tổng giá trị ngân sách (tính đến ngày 30/06/2025)	Tổng số vốn còn lại		Chức năng
		Số ngày tháng	Tổng mức đầu tư				NSDT	Tiền sử dụng đất	Vốn các chương trình VHQ	Vốn khác (tính SDD tăng thu tiết kiệm chi, kế dư)		Tiếp tục giải ngân	Trong đó:	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG CỘNG														
A	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		137.472	124.692	7.700	104.035	-	7.127	85.827	-	11.081	91.327	72	13
	Y tế		30.250	30.015	-	15.608	-	6.127	-	-	9.481	5.500	2	
	Xây dựng trạm y tế phường Minh Hưng (xã Minh Hưng cũ)	Số 120/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	6.000	5.885	0	2.984	0	1.500	0	0	1.484	0	0	
	Giáo dục		6.000	5.885	-	2.984	-	1.500	-	-	1.484	0	0	UBND phường Minh Hưng
	Sửa chữa 04 phòng học của trường Tiểu học Minh Hưng A	Số 292/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	1.250	1.130	0	1.127	0	1.127	0	0	0	0	2	
	Quản lý nhà nước		1.250	1.130	-	1.127	-	1.127	-	-	0	0	2	
	Xây dựng trường THPT THCS Minh Long đạt chuẩn	Số 98/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	23.000	23.000	0	11.497	0	3.500	0	0	7.997	5.500	0	UBND phường Minh Hưng
B	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		23.000	23.000	-	11.497	-	3.500	-	-	7.997	5.500	0	UBND phường Minh Hưng
	Quản lý nhà nước		89.423	84.250	7.700	78.000	-	1.000	75.400	-	1.600	75.400	90	
	Dự án hoàn thành trước 30/6/2025		3.500	2.600	1.700	2.600	0	1.000	0	0	1.600	0	0	
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an phường Minh Long	Số 139a ngày 15/7/2024	3.500	2.600	1.700	2.600	-	1.000	-	-	1.600	0	0	
	Sự nghiệp giao thông		85.923	81.650	6.000	75.400	0	0	75.400	0	0	75.400	0	UBND phường Minh H
1	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025		85.923	81.650	6.000	75.400	-	-	75.400	-	-	75.400	-	
	Nâng cấp, mở rộng đường từ tổ 2, tổ 3, khu phố 5 phường Minh Hưng	Số 236/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	35.000	33.250	1.000	32.000	-	-	32.000	-	-	32.000	-	UBND phường Minh Hưng
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ tổ 4 đi tổ 7, khu phố 12, phường Minh Hưng	Số 144/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	32.000	30.400	1.500	28.900	-	-	28.900	-	-	28.900	-	UBND phường Minh Hưng
3	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 4B, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	9.448	9.000	2.500	6.500	-	-	6.500	-	-	6.500	-	UBND phường Minh Hưng
4	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 5A, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 556/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	9.475	9.000	1.000	8.000	-	-	8.000	-	-	8.000	-	UBND phường Minh Hưng
C	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cấp sau quyết toán		17.799	10.427	0	10.427	0	0	10.427	0	0	10.427	0	
	Sự nghiệp giao thông		17.799	10.427	0	10.427	0	0	10.427	0	0	10.427	0	
1	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 4	Số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.352	1.384,39	-	1.384	-	-	1.384,39	-	-	1.384	-	UBND phường Minh Hưng
2	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 4	Số 562/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	996	688,40	-	688	-	-	688,40	-	-	688	-	UBND phường Minh Hưng
3	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9 ấp 4	Số 561/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	240	137,68	-	138	-	-	137,68	-	-	138	-	UBND phường Minh Hưng

4	Dương GTNT bằng BTXM số 12 áp 4	567/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.402	213,41	65,52	213,41	213	UBND phường Minh Hưng
5	Dương GTNT bằng BTXM số 1 áp 5	567/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	209	172,10		172,10	172	UBND phường Minh Hưng
6	Dương GTNT bằng BTXM số 4 áp 5	565/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.402	805,43		805,43	805	UBND phường Minh Hưng
7	Dương GTNT bằng BTXM số 11 áp 5	569/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.402	850,18		850,18	850	UBND phường Minh Hưng
8	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 6	568/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	485	282,25		282,25	282	UBND phường Minh Hưng
9	Dương GTNT bằng BTXM số 11 áp 6	572/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	297	172,10		172,10	172	UBND phường Minh Hưng
10	Dương GTNT bằng BTXM số 1 áp 7	571/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	657	380,69		380,69	381	UBND phường Minh Hưng
11	Dương GTNT bằng BTXM số 4 áp 7	570/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	437	251,95		251,95	252	UBND phường Minh Hưng
12	Dương GTNT bằng BTXM số 6 áp 7	574/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.254	1.872,81		1.872,81	1.873	UBND phường Minh Hưng
13	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 10 áp 7	575/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	153	89,49		89,49	89	UBND phường Minh Hưng
14	Dương GTNT bằng BTXM số 8 áp 10	573/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.179	688,40		688,40	688	UBND phường Minh Hưng
15	Dương GTNT bằng BTXM số 9 áp 10 áp 7	578/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	456	261,76		261,76	262	UBND phường Minh Hưng
16	Dương GTNT bằng BTXM số 6 áp 11	577/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	235	134,93		134,93	135	UBND phường Minh Hưng
17	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 11	576/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.631	936,92		936,92	937	UBND phường Minh Hưng
18	Dương GTNT bằng BTXM số 8 áp 11	581/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	925	540,40		540,40	540	UBND phường Minh Hưng
19	Dương GTNT bằng BTXM số 8 áp 12 xã Minh Hưng	580/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	592	344,20		344,20	344	UBND phường Minh Hưng
20	Dương GTNT bằng BTXM số 9A áp 12	579/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	212	123,91		123,91	124	UBND phường Minh Hưng
21	Dương GTNT bằng BTXM số 9B áp 12							



PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 PHƯỜNG MINH HƯNG

theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của Ủy ban nhân dân phường Minh Hưng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh		KHX trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy kế số vốn đã thành toán đến năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025					Tổng giá trị ngân (đến ngày 30/06/2025)	Tổng số vốn còn lại		Chưa đầu tư
		Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư			Tổng số	NSTT	Tiến sử dụng đất	XSKT	Vốn các chương trình MTQG		Vốn khác (trên SDD đang thu tại kèm chủ kết dư)		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG		137.472	124.692	7.700	104.035	-	7.127	85.827	-	11.081	91.327	92	
A	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		30.250	30.015	-	15.608		6.127	-	-	9.481	5.500	2	
	Y tế		6.000	5.885	0	2.984	0	1.500	0	0	1.484	0	0	
	Xây dựng trạm y tế phường Minh Hưng (xã Minh Hưng cũ)	Số 120/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	6.000	5.885		2.984		1.500			1.484	0	0	UBND phường Minh Hưng
	Giáo dục		1.250	1.130	0	1.127	0	1.127	0	0	0	0	2	
	Sửa chữa 04 phòng học của trường Tiểu học Minh Hưng A	Số 292/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	1.250	1.130		1.127		1.127			1.125	0	2	UBND phường Minh Hưng
	Quản lý nhà nước		23.000	23.000	0	11.497	0	3.500	0	0	7.997	5.500	0	
	Xây dựng trường THPTCS Minh Long đạt chuẩn	Số 98/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	23.000	23.000		11.497		3.500			7.997	5.500		UBND phường Minh Hưng
B	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		89.423	84.250	7.700	78.000	-	1.000	75.400	-	1.600	75.400	90	
	Quản lý nhà nước		3.500	2.600	1.700	2.600	0	1.000	0	0	1.600	0	90	
	Dự án hoàn thành trước 30/6/2025		3.500	2.600	1.700	2.600	-	1.000	-	-	1.600	-	90	
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an phường Minh Long	Số 139a ngày 15/7/2024	3.500	2.600	1.700	2.600		1.000			1.600		90ND phường Minh H	
	Sự nghiệp giao thông		85.923	81.650	6.000	75.400	0	0	75.400	0	0	75.400	0	
	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025		85.923	81.650	6.000	75.400	-	-	75.400	-	-	75.400	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 2 - tổ 3, khu phố 5 phường Minh Hưng	Số 236/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	35.000	33.250	1.600	32.000			32.000			32.000		UBND phường Minh Hưng
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ tổ 4 đi tổ 7, khu phố 12, phường Minh Hưng	Số 144/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	32.000	30.400	1.500	28.900			28.900			28.900		UBND phường Minh Hưng
3	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 4B, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	9.448	9.000	2.500	6.500			6.500			6.500		UBND phường Minh Hưng
4	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 5A, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 556/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	9.475	9.000	1.000	8.000			8.000			8.000		UBND phường Minh Hưng
C	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cấp sau quyết toán		17.799	10.427	0	10.427	0	0	10.427	0	0	10.427	0	
	Sự nghiệp giao thông		17.799	10.427	0	10.427	0	0	10.427	0	0	10.427	0	
1	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 4	564/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.352	1.384,39		1.384			1.384,39			1.384		UBND phường Minh Hưng
2	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 4	562/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	996	688,40		688			688,40			688		UBND phường Minh Hưng
3	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9 ấp 4	561/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	240	137,68		138			137,68			138		UBND phường Minh Hưng

4	Dương GTNT bằng BTXM số 12 áp 4	560/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	164	95,521		96		95,521		96		UBND phường Minh Hưng
5	Dương GTNT bằng BTXM số 1 áp 5	567/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	172	213,41		213		213,41		213		UBND phường Minh Hưng
6	Dương GTNT bằng BTXM số 4 áp 5	566/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	299	172,10		172		172,10		172		UBND phường Minh Hưng
7	Dương GTNT bằng BTXM số 11 áp 5	565/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.402	805,43		805		805,43		805		UBND phường Minh Hưng
8	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 6	569/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.402	850,18		850		850,18		850		UBND phường Minh Hưng
9	Dương GTNT bằng BTXM số 11 áp 6	568/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	485	282,25		282		282,25		282		UBND phường Minh Hưng
10	Dương GTNT bằng BTXM số 1 áp 7	572/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	297	172,10		172		172,10		172		UBND phường Minh Hưng
11	Dương GTNT bằng BTXM số 4 áp 7	571/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	657	380,69		381		380,69		381		UBND phường Minh Hưng
12	Dương GTNT bằng BTXM số 6 áp 7	570/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	437	251,95		252		251,95		252		UBND phường Minh Hưng
13	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 10 đi áp 7	574/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.254	1.872,81		1.873		1.872,81		1.873		UBND phường Minh Hưng
14	Dương GTNT bằng BTXM số 8 áp 10	575/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	153	89,49		89		89,49		89		UBND phường Minh Hưng
15	Dương GTNT bằng BTXM số 9 áp 10 đi áp 7	573/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.179	688,40		688		688,40		688		UBND phường Minh Hưng
16	Dương GTNT bằng BTXM số 6 áp 11	578/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	456	261,76		262		261,76		262		UBND phường Minh Hưng
17	Dương GTNT bằng BTXM số 7 áp 11	577/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	235	134,93		135		134,93		135		UBND phường Minh Hưng
18	Dương GTNT bằng BTXM số 8 áp 11	576/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.631	936,92		937		936,92		937		UBND phường Minh Hưng
19	Dương GTNT bằng BTXM số 8 đi số 9 áp 12 xã Minh Hưng	581/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	925	540,40		540		540,40		540		UBND phường Minh Hưng
20	Dương GTNT bằng BTXM số 9A áp 12	580/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	592	344,20		344		344,20		344		UBND phường Minh Hưng
21	Dương GTNT bằng BTXM số 9B áp 12	579/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	212	123,91		124		123,91		124		UBND phường Minh Hưng